

55. XÃ PHONG THẠNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh Phường Hộ Phòng (Km 2217 + 525m)	Tim cống Nhà thờ Tắc Sậy	6.600
2	Quốc Lộ 1	Tim cống Nhà thờ Tắc Sậy	Đến ranh giới công ty Phúc Hậu (tên cũ: Cột mốc Km 471+190 Công ty Phúc Hậu)	4.800
3	Quốc Lộ 1	Từ ranh giới công ty Phúc Hậu (tên cũ: Cột mốc Km 471+190 Công ty Phúc Hậu)	Đến hết ranh chùa Thiên Trúc (tên cũ: Cột mốc Km 2222 (phía tây cầu Cây Gừa))	3.600
4	Quốc Lộ 1	Từ cuối ranh chùa Thiên Trúc (tên cũ: Cột mốc Km 2222 (phía tây cầu Cây Gừa))	Đến tim cống Khúc Tréo (QL 1A) (tên cũ: Cột mốc Km 2226 + 400m)	2.600
5	Quốc Lộ 1	Từ tim cống Khúc Tréo (QL 1A) (tên cũ: Cột mốc Km 2226 + 400m)	Đến hết ranh công ty Nguyễn An (tên cũ: Cột mốc Km 2226 + 550m (phía tây UBND xã Tân Phong))	3.000
6	Quốc Lộ 1	Từ cuối ranh công ty Nguyễn An (tên cũ: Cột mốc Km 2226 + 550m (phía tây UBND xã Tân Phong))	Cống Vôi (Km 2229 + 250m) (tên cũ: Cống Voi (Km 2229 + 250m)	2.600
7	Quốc Lộ 1	Cống Vôi (Km 2229 + 250m) (tên cũ: Cống Voi (Km 2229 + 250m)	Cầu Láng Trâm	3.000
8	Đường tránh tuyến Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A	Đến ranh phường Giá Rai	4.800
9	Đường Khúc Tréo - Tân Lộc	Từ Quốc Lộ 1A (tên cũ: Quốc Lộ 1)	Đến cống Tập Đoàn (tên cũ: Qua trường mẫu giáo 100m về phía bắc)	1.300
10	Đường Khúc Tréo - Tân Lộc	Từ cống Tập Đoàn (tên cũ: Qua trường mẫu giáo 100m về phía bắc)	Hết ranh trụ sở UBND + 180m về phía Bắc (tên cũ: Hết ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc)	800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Đường Khúc Tréo - Tân Lộc	Từ hết ranh trụ sở UBND + 180m về phía Bắc (tên cũ: Hết ranh trụ sở UBND + 100m về phía Bắc)	Đến đường Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp (tên cũ: hết tuyến giáp ranh xã Phong Thạnh Tây)	500
12	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Giáp ranh Phường Hộ Phòng	Hết ranh nhà thờ	1.100
13	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Hết ranh đất nhà thờ	Cầu Đen (giáp Phong Thạnh Tây)	800
14	Đường vào trường tiểu học Tân Hiệp	Quốc Lộ 1A (tên cũ: Quốc Lộ 1)	Cổng Khúc Tréo	800
15	Đường vào Trung tâm Bảo trợ xã hội	Quốc Lộ 1	Hết đường (giáp trung tâm)	500
16	Cổng Nhân Dân (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Hết tuyến	500
17	Cổng Cây Gừa (Khúc Tréo) (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Hết tuyến	500
18	Cổng Lầu Bàng (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Hết tuyến	500
19	Cổng Sư Sơn (phía đông và phía tây)	Quốc Lộ 1	Hết tuyến	600
20	Đường lộ cũ áp 2A (áp 2 cũ)	Giáp ranh Hộ Phòng	Quốc Lộ 1	700
21	Tuyến Trung Tâm Bảo Trợ - Kênh Hang Mai	Giáp Trung Tâm Bảo Trợ	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Giàu	400
22	Tuyến Kênh Đào	Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Thùy Dương (hết đường)	400
23	Tuyến Kênh 2 Lương	Quốc Lộ 1	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tòng (hết đường)	400
24	Tuyến Láng Trâm	Quốc Lộ 1	Cổng Láng Trâm	500
25	Tuyến cống Sư Sơn (Phía Tây)	Từ cống Sư Sơn	Đến đường kênh C12	350

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
26	Tuyến cống Sư Sơn (Phía Đông)	Từ cống Sư Sơn	Đường Cầu Đen - kênh Láng Trâm	400
27	Đường Cầu Đen - kênh Láng Trâm	Từ đường Hộ Phòng - Chủ Chí	kênh Láng Trâm	400
28	Quốc Lộ 1	Cầu Láng Trâm	Đến giáp ranh phường Tân Thành (tên cũ: Giáp Cà Mau)	3.000
29	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp	Từ ranh phường Tân Thành (tên cũ: Giáp Cà Mau)	Cầu kênh Lung Thành	1.800
30	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu kênh Lung Thành	Cầu Vàm Bóm (tên cũ: Giáp Phong Thạnh Tây)	1.400
31	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Vàm Bóm (Kênh Giồng Bướm) (tên cũ: Giáp xã Tân Thạnh (Kênh Giồng Bướm))	Cầu Hai Thanh (Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp) (tên cũ: Cầu Hai Thanh)	1.100
32	QL Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Hai Thanh	Cầu vượt Hộ Phòng-Chủ Chí (hết ranh Phong Thạnh Tây)	1.100
33	Đường kênh Láng Trâm	Quốc lộ 1	Cống Láng Trâm	1.100
34	Đường kênh Láng Trâm	Cống Láng Trâm	Cầu số 1	1.000
35	Đường kênh Láng Trâm	Cầu số 1	Ngã 5 áp 8	800
36	Đường kênh Láng Trâm	Ngã 5 áp 8	Đến giáp ranh phường Tân Thành (tên cũ: Giáp Cà Mau)	600
37	Áp Xóm Mới	Cống Láng Trâm	Đập Láng Trâm	500
38	Đường Kênh Lung Cặp (Ap Xóm Mới)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Năm Thắng	Kênh Sáu Vàng	600
39	Áp Xóm Mới	Cầu Số 1	Cầu Xã Xứ	600
40	Áp Xóm Mới	Cầu Xã Xứ	Cầu Ông Cẩm	600
41	Áp Xóm Mới	Cầu Ông Cẩm	Giáp áp 3 Tắc Vân	600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
42	Đường Gò Muồng	Cầu nhà ông Minh Mười	Cầu ông Thi (nhà Trần Thị Tuyến)	500
43	Đường Lung Ngang (ấp Gò Muồng)	Bến đò (Việt Tân)	Cầu Tư Hải	500
44	Đường Lung Ngang (ấp Gò Muồng)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Hoàng Anh	Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Quốc Tuấn	500
45	Đường áp Gò Muồng - áp 9	Cầu ông Sử	Cầu Xả Xứ (tên cũ: Cầu Trường tiêu học áp 9)	600
46	Đường áp 9	Cầu Trại Cưa (tên cũ: Cầu nhà ông Trọng)	Kênh Xóm Càng (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Lâm Văn Bé)	500
47	Đường áp kênh Lớn	Cầu Bến Than (tên cũ: Cầu ông Bình (Bu))	Đến ranh miếu Bà Chúa Xứ (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà ông Út Hộ)	500
48	Đường áp 8	Cầu Đồng Thiện (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hai Cừ (Láng Trâm 3))	Kênh Lung Nhân (tên cũ: Kênh Lung Thành (nhà Ngọc Anh))	500
49	Lộ Công ty Thiên Phú (lộ Quy	Quốc Lộ 1	Đường Láng Trâm - ngã 5	1.100
50	Kênh Long Thành	Từ Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Khuyên)	Giáp áp 3 xã Tác Ván	600
51	Kênh Nước Mặn	Cầu Lung Nước Mặn	Cầu số 3	500
52	Tuyến Bờ Đông	Từ cầu ngã 5 Vàm Bóm (tên cũ: Đường Quản lộ Phụng Hiệp)	Đập Láng Trâm	500
53	Tuyến Bờ Đông	Cầu Khảo Xén	Kênh Láng Trâm 2 (2 bên lộ)	400
54	Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp	Từ Quốc lộ quản lộ - Phụng Hiệp	Đến sông Phụng Hiệp	900
55	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Cầu Đen (giáp Tân Phong)	Cầu Xóm Ráng (tên cũ: Cầu Mười Thêm)	500
56	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Cầu Xóm Ráng (tên cũ: Cầu Mười Thêm)	Đến hết ranh bên đò (tên cũ: Ranh phía đông Nhà ông Huỳnh Văn Công)	600
57	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Từ cuối ranh bên đò (tên cũ: Ranh phía đông Nhà ông Huỳnh Văn Công)	Cầu Hai Thanh	400

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
(1)	(2)	Điểm đầu	Điểm cuối	(5)
58	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Cầu Hai Thanh	Đến cầu Nguyễn Thị Được (tên cũ: Ranh phía đông Nhà ông Nguyễn Văn Đây)	300
59	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Từ cầu Nguyễn Thị Được (tên cũ: Ranh phía đông Nhà ông Nguyễn Văn Đây)	Đền cầu Ba Thông (tên cũ: Ranh phía đông nhà ông Võ Văn Tùng)	400
60	Đường Hộ Phòng – Chủ Chí (đường Tư Bình)	Từ cầu Ba Thông (tên cũ: Ranh phía đông nhà ông Võ Văn Tùng)	Đền cầu ngã 5 Vàm Bóm (tên cũ: Ngã 5 Vàm Bóm (giáp xã Tân Thạnh))	500
61	Đường Đường trục 11 (ĐT 11)	Cầu Vàm Bóm	Đến đường Khúc Tréo - Tân Lộc	280
62	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng ≤ 2m			220
63	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
64	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180